

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/DS-ST
Ngày: 11/12/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Tự.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Ngâm.

2. Bà Phan Thị Oanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Tuy Hòa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Duyên – Kiểm sát viên

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Cán bộ TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2023/TLST-DS ngày 20/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trình Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2023, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H trình bày: Trong năm 2015 bà có cho bà Trình Thị N mượn nhiều lần tiền, cụ thể từng lần mượn như sau:

-Ngày 02/01/2015 mượn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

- Ngày 06/11/2015 mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)
- Ngày 08/11/2015 mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)
- Ngày 09/11/2015 mượn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)
- Ngày 12/11/2015 mượn 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng)
- Ngày 20/11/2015 mượn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)
- Ngày 20/11/2015 mượn 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)
- Ngày 24/11/2015 mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)
- Ngày 26/11/2015 huê 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng)
- Ngày 26/11/2015 huê 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng)
- Ngày 27/11/2015 mượn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)
- Ngày 28/11/2015 mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)
- Ngày 29/11/2015 mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)
- Ngày 30/11/2015 mượn 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng)

Đến ngày 20/11/2016 bà Trình Thị N tự viết giấy mượn tiền đối với từng lần mượn nêu trên. Ngoài giấy mượn tiền ngày 20/11/2016 mà bà H đã cung cấp cho Tòa án thì giữa bà H với bà N không có xác lập tài liệu nào khác.

Tổng cộng số tiền bà N mượn và còn nợ: 3.642.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu đồng). Sau khi mượn tiền bà N hẹn đến cuối năm 2016 bà trả nhưng bà N không trả, mặc dù bà H nhiều lần thúc nhắc để bà N trả nợ nhưng bà N không trả. Nay bà H yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ 3.642.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu khoản nào khác.

Bị đơn: Bà Trình Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không tiến hành hòa giải được

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự 2005. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Trình Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.642.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự bà H với bà N tranh chấp hợp đồng vay tài sản; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Bà N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ các điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H:

Theo giấy mượn tiền ngày 20/11/2016 bà Trình Thị N có mượn của bà Nguyễn Thị H nhiều lần với tổng số tiền 3.642.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu đồng). Từ khi mượn đến nay bà N không trả cho bà H khoản nào, mặc dù bà H đã nhiều lần gặp bà N để đòi nợ nhưng bà N cố tình trốn tránh không trả.

Nay bà H yêu cầu bà N phải trả đủ cho bà số tiền 3.642.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân TP. Tuy Hòa về việc *Cấm xuất cảnh đối với bà Trình Thị N cần tiếp tục giữ nguyên để bảo đảm việc giải quyết vụ án hoặc đảm bảo việc thi hành án.*

[3] Về án phí: Bà Trình Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H 3.642.000.000đ nên phải chịu án phí DS/ST là 104.840.000đ (một trăm lẻ bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 471, 474, Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2023.

Buộc bà Trình Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.642.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu đồng) về khoản hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Tiếp tục giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa về việc Cấm xuất cảnh đối với bà Trình Thị N để bảo đảm việc giải quyết vụ án hoặc đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Bà Trình Thị N phải chịu 104.840.000đ (một trăm lẻ bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP Tuy Hòa;
- Chi cục THADSTP.Tuy Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Công Tự